



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 09 tháng 02 năm 2026)

Sĩ số: 533 trẻ (Trung tâm: 271; Hải Đông: 262 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					9.226.000		4.636.500		4.589.500
1	Rau mùi	85.000	Kg	1,2	102.000	0,6	51.000	0,6	51.000
2	Cải thảo	30.000	Kg	17,6	528.000	9,5	285.000	8,1	243.000
3	Trứng vịt	75000	Kg	20,5	1537500	10,5	787.500	10	750.000
4	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	2,8	140.000	1,4	70.000	1,4	70.000
5	Tôm nõn	220.000	Kg	4,0	880.000	2	440.000	2	440.000
6	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	2,6	1.430.000	1,3	715.000	1,3	715.000
7	Hành khô	60.000	Kg	1,0	60.000	0,5	30.000	0,5	30.000
8	Hành lá	45.000	Kg	1,3	58.500	0,8	36.000	0,5	22.500
9	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	18	2.340.000	9	1.170.000	9	1.170.000
10	Xương lợn	85.000	Kg	17	1.445.000	8	680.000	9	765.000
11	vang	30.000	Kg	17,0	510.000	8,9	267.000	8,1	243.000
12	Cà rốt	30.000	Kg	6,5	195.000	3,5	105.000	3	90.000
Nhóm xuất kho					3.310.000		1.737.500		1.572.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	53,0	1.060.000	27	540.000	26	520.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	1,0	15.000	0,5	7.500	0,5	7.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	3,5	210.000	2	120.000	1,5	90.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	8,5	1.955.000	4,5	1.035.000	4	920.000
Tổng chi					12.536.000		6.374.000		6.162.000
Tổng thu					12.536.160		6.373.920		6.162.240
Tồn ngày hôm trước					880		(380)		1.260
Thừa (Thiếu)					1.040		-460		1.500

Trả lại nhà cung cấp

Thịt lợn nạc: 10kg

533	23.520
271	
262	